

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI  
MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

Số: 01 (86) 2025  
ISSN 1859-2635

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN

# CVRSS

**Tap chí Khoa học xã hội miền Trung**

ISSN 1859 – 2635

## **TỔNG BIÊN TẬP**

TS. Trần Minh Đức

## **HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP**

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng

Ủy viên Bộ Chính trị

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền

Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính

Viện Nghiên cứu Văn hoá

GS.TS. Eric Iksoon Im

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Băng Tâm

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuần

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

## **BAN BIÊN TẬP**

ThS. Châu Ngọc Hoè

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

# CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 3 tháng 1 kỳ

Số 01 năm 2025

Năm thứ mười tám

## Mục lục

- Bàn về công tác phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường tại tỉnh Quảng Nam: Xây dựng văn bản, chương trình, kế hoạch và phân công, phối hợp thực hiện..... **3**  
**Trần Minh Đức, Nguyễn Hoàng Yến**
- Bàn về quy định “chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật” theo điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thực tiễn áp dụng tại tòa án ..... **13**  
**Nguyễn Hữu Hưng**
- Phát triển kinh tế dược liệu vùng biên giới đất liền tỉnh Quảng Nam..... **19**  
**Hoàng Hồng Hiệp, Hồ Thị Kim Thùy, Trần Ngọc Ánh**
- Ảnh hưởng của đổi mới xanh, năng lượng tái tạo, công nghiệp hóa và chất lượng thể chế đến tăng trưởng xanh ở Việt Nam ..... **29**  
**Đoàn Ngọc Phúc**
- Vai trò trung gian của nhận thức trong mối quan hệ giữa các đặc điểm tính cách và hiệu quả đầu tư cổ phiếu ..... **40**  
**Nguyễn Minh Trí, Lê Minh Hiếu**
- Tác động của ứng dụng công nghệ số đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp khởi nghiệp du lịch Việt Nam..... **48**  
**Nguyễn Văn Toại**
- Vận dụng mô hình Servqual để giải thích sự hài lòng của người dân sử dụng ví điện tử: Nghiên cứu trường hợp người dân sống tại thành phố Nha Trang..... **56**  
**Nguyễn Thị Nga, Đỗ Thị Ly, Nguyễn Thị Thái Ngọc**
- Đánh giá tính bền vững trong phát triển du lịch dưới góc độ môi trường tại thành phố Đà Lạt .... **65**  
**Lê Chí Công, Nguyễn Nam Sơn**
- Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của nông hộ trong trồng bưởi theo tiêu chuẩn VietGap và truyền thống ở An Giang ..... **76**  
**Nguyễn Lan Duyên**
- Ảnh hưởng của văn hóa doanh nghiệp đến tính hững hờ tập thể - Nghiên cứu tại thành phố Hồ Chí Minh..... **86**  
**Vũ Bá Thành, Ngô Văn Toàn, Đào Vũ Thắng**
- Các yếu tố ảnh hưởng đến sự chữa lành trong cuộc sống của Gen Z..... **97**  
**Nguyễn Quang Anh, Huỳnh Trọng Hiến, Lê Ngọc Bảo Trân, Nguyễn Ngọc Ánh Tuyết, Trương Hoàng Trân**
- Mối quan hệ giữa tinh giản bộ máy nhà nước với phát triển đất nước phồn vinh ở Việt Nam hiện nay ..... **108**  
**Võ Văn Dũng**
- Xây dựng mô hình an sinh xã hội gắn tình hình thực tiễn để nâng cao chất lượng đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong giai đoạn mới ..... **115**  
**Phạm Đi**
- Sự chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 của Đảng Lao động Việt Nam..... **123**  
**Đinh Văn Trọng, Nguyễn Thị Kiều Trinh**
- Những điều kiện cho sự khởi phát tư tưởng và phong trào Duy Tân ở Quảng Nam đầu thế kỷ XX.. **132**  
**Ngô Văn Minh**
- Giá trị các nghề truyền thống trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng ..... **140**  
**Nguyễn Minh Phương, Nguyễn Thị Diệu Hằng, Hoàng Ngọc Thạch**

Giấy phép xuất bản số 81/GP-BTTTT cấp ngày 01 tháng 04 năm 2024

Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên; In 100 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 01 năm 2025.

In tại Công ty TNHH in Trùng Khoa, số 28 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Nộp lưu chiếu tháng 04/2025.

# CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Quarterly Review

No. 01, 2025

The 18<sup>th</sup> Year

## **Contents**

1. Discussion on the dissemination and education of environmental protection policies and laws in Quang Nam Province: Development of documents, programs, plans, assignment and coordination of implementation ..... **3**  
*Tran Minh Duc, Nguyen Hoang Yen*
2. Discussion on the provision “the conditions for initiating lawsuits prescribed by law are not fully satisfied” stipulated by the Article 192(1)(b) of the Vietnam Civil Procedure Code 2015 and its practical application in courts..... **13**  
*Nguyen Huu Hung*
3. The development of the medicinal herb economy in the land border region of Quang Nam Province ..... **19**  
*Hoang Hong Hiep, Ho Thi Kim Thuy, Tran Ngoc Anh*
4. The impact of green innovation, renewable energy, industrialization and institutional quality on green growth in Vietnam ..... **29**  
*Doan Ngoc Phuc*
5. The mediating role of perception in the relationship between personality traits and stock investment performance..... **40**  
*Nguyen Minh Tri, Le Minh Hieu*
6. The impact of digital technology application on business performance of Vietnamese tourism startups..... **48**  
*Nguyen Van Toai*
7. Applying the SERVQUAL model to explain the satisfaction of people using e-wallets: A case study of residents in Nha Trang City..... **56**  
*Nguyen Thi Nga, Do Thi Ly, Nguyen Thi Thai Ngoc*
8. Sustainable Tourism Development in Da Lat City: An Environmental Perspective ..... **65**  
*Le Chi Cong, Nguyen Nam Son*
9. Determinants of the economic efficiency of grapefruit-growing households under VietGap and traditional standards in An Giang..... **76**  
*Nguyen Lan Duyen*
10. The impact of organizational culture on collective social loafing – A case study in Ho Chi Minh city... **86**  
*Vu Ba Thanh, Ngo Van Toan, Dao Vu Thang*
11. Factors affecting the healing process of Gen Z. .... **97**  
*Nguyen Quang Anh, Huynh Trong Hien, Le Ngoc Bao Tran, Nguyen Ngoc Anh Tuyet, Truong Hoang Tran*
12. The relationship between downsizing government staff and achieving national prosperity in Vietnam ..... **108**  
*Vo Van Dung*
13. Building a social welfare model linked to practical circumstances to improve the quality of life for people in Quang Nam province in the new period..... **115**  
*Pham Di*
14. The preparation for the 1975 Spring General Offensive and Uprising by the Vietnam Labor Party..... **123**  
*Dinh Van Trong, Nguyen Thi Kieu Trinh*
15. Conditions for the emergence of the ideology and Duy Tan movement in Quang Nam province in the early 20th century ..... **132**  
*Ngo Van Minh*
16. The value of traditional crafts in Thanh Khe district, Da Nang city..... **140**  
*Nguyen Minh Phuong, Nguyen Thi Dieu Hang, Hoang Ngoc Thach*

# Xây dựng mô hình an sinh xã hội gắn tình hình thực tiễn để nâng cao chất lượng đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong giai đoạn mới

**Phạm Đì**

Học viện Chính trị khu vực III

Email liên hệ: phamdivn@gmail.com

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh xã hội có nhiều thay đổi nhanh chóng, việc xây dựng một mô hình an sinh xã hội thực tế và thích ứng là điều cần thiết để nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân tỉnh Quảng Nam. Là một vùng có sự đa dạng về địa lý và chênh lệch kinh tế - xã hội, Quảng Nam phải đối mặt với những thách thức riêng trong việc đảm bảo tiếp cận công bằng với các dịch vụ xã hội. Nghiên cứu này đề xuất một mô hình an sinh xã hội phù hợp với nhu cầu cụ thể của tỉnh, tập trung vào việc giảm bất bình đẳng và tăng cường hòa nhập xã hội, đặc biệt là ở các vùng khó khăn và dân tộc thiểu số.

**Từ khóa:** An sinh xã hội, Mô hình, Đời sống nhân dân

## **Building a social welfare model linked to practical circumstances to improve the quality of life for people in Quang Nam province in the new period**

**Abstract:** In the context of rapid socio-economic changes, building a practical and adaptable social welfare model is essential to improve the quality of life for residents in Quang Nam province. As a region characterized by geographical diversity and socio-economic disparities, Quang Nam faces unique challenges in ensuring equitable access to social services. This study proposes a social welfare model aligned with the province's specific needs, focusing on reducing inequality and enhancing social inclusion, particularly in disadvantaged and ethnic minority areas.

**Keywords:** Social Security, Social security Model, People's Life.

**Ngày nhận bài:** 21/12/2024; **Ngày phản biện:** 10/1/2025; **Ngày duyệt đăng:** 10/3/2025

### **1. Đặt vấn đề**

An sinh xã hội (ASXH) là một trong những trụ cột quan trọng của phát triển bền vững, góp phần đảm bảo an ninh con người, giảm thiểu bất bình đẳng và nâng cao chất lượng cuộc sống. Tại Việt Nam, chủ trương xây dựng hệ thống ASXH toàn diện, mang tính đặc thù đã được xác định trong các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, "không để ai bị bỏ lại phía sau" trong quá trình phát triển.

Quảng Nam một tỉnh thuộc miền Trung Việt Nam, sở hữu nhiều tiềm năng phát triển nhưng cũng đối mặt với những thách thức đáng kể. Các vấn đề như tỷ lệ hộ nghèo, biến đổi khí hậu, thiên tai và cơ cấu dân số ngày càng già hóa đang đặt áp lực lớn lên hệ thống ASXH. Dù đã đạt được một số kết quả tích cực thông qua các chính sách hỗ trợ của Nhà nước và địa phương, nhưng việc triển khai vẫn còn gặp nhiều bất cập, như tính bền vững của nguồn lực, khả năng tiếp cận các dịch vụ ASXH của người dân vùng sâu, vùng xa và chất lượng hỗ trợ chưa đồng đều.

Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu, đề xuất các giải pháp gắn kết hệ thống ASXH với nâng cao chất lượng đời sống nhân dân tại Quảng Nam không chỉ mang ý nghĩa lý luận mà còn có giá trị thực tiễn sâu sắc. Đặc biệt, với sự chuyển mình mạnh mẽ của Quảng Nam trong việc phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, cần thiết phải xây dựng một mô hình ASXH đặc thù, đáp ứng được yêu cầu hiện đại hóa và bền vững, đảm bảo phúc lợi cho mọi người dân.

Bài viết hướng đến việc làm rõ các yếu tố tác động, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp khả thi, trong đó gợi ý mô hình ASXH đặc trưng, gắn với tình hình thực tiễn của địa phương nhằm hoàn thiện hệ thống chính sách xã hội, góp phần nâng cao chất lượng đời sống nhân dân

Quảng Nam trong thời kỳ hội nhập và phát triển đất nước nói chung, phát triển khu vực miền Trung và tỉnh Quảng Nam nói riêng.

## **2. Thực trạng và một số vấn đề đặt ra trong thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Quảng Nam**

Quyết định 72/QĐ-TTg ngày 17/1/2024 của Thủ tướng Chính phủ, về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định: “Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, đào tạo, an sinh xã hội và giảm nghèo; đẩy mạnh tiến bộ, công bằng xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống”. Do đó, trong những năm qua, với sự quyết tâm chính trị cao độ của toàn hệ thống chính trị và nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Nam có nhiều chuyển biến đáng ghi nhận. Cụ thể, sau đại dịch COVID-19, tốc độ phục hồi và phát triển kinh tế của Quảng Nam rất lạc quan, tổng thu ngân sách nhà nước năm 2022 trên địa bàn tỉnh đạt 32.144 tỷ đồng, bằng 135,6% dự toán và tăng 40,1% so với cùng kỳ năm 2021 (Ngô Anh Văn, 2022). Thế nhưng, mặc dù có sự phục hồi trong năm 2022, nhưng đến năm 2023, Quảng Nam đối mặt với nhiều khó khăn, các động lực tăng trưởng như thuế, giải ngân và xuất khẩu đều giảm sút, khiến việc đạt được các mục tiêu kinh tế trở nên thách thức (Trịnh Dũng, 2023). Điều đáng mừng, 6 tháng đầu năm 2024, kinh tế Quảng Nam có dấu hiệu khởi sắc, đạt mức tăng trưởng dương. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) ước tính tăng 2,7% so với cùng kỳ năm 2023, chấm dứt đà tăng trưởng âm kéo dài (N. Đoàn, 2024). Cùng với vấn đề phát triển kinh tế, ASXH cũng đã đạt được nhiều thành tựu nhưng cũng đối mặt với không ít thách thức. Những điểm sáng trong công tác ASXH ở Quảng Nam thời gian qua có thể kể đến như: (i) Giảm nghèo bền vững: Tỷ lệ hộ nghèo tại Quảng Nam đã giảm đáng kể trong những năm gần đây nhờ các chính sách giảm nghèo hiệu quả như hỗ trợ sinh kế, vay vốn ưu đãi, và chương trình xây dựng nông thôn mới<sup>(1)</sup>; (ii) Hỗ trợ đối tượng chính sách: Quảng Nam thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ người có công với cách mạng, gia đình chính sách và người nghèo. Tỉnh có nhiều chính sách ưu đãi cho các gia đình liệt sĩ, thương binh và bệnh binh; (iii) Phát triển giáo dục và y tế: Quảng Nam đã đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục và dịch vụ y tế, đặc biệt tại các khu vực nông thôn và miền núi. Các chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ học sinh nghèo được áp dụng rộng rãi; (iv) Bảo hiểm xã hội: Số lượng người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tăng dần qua từng năm, góp phần đảm bảo quyền lợi ASXH cho người dân<sup>(2)</sup>. Tuy nhiên, bên cạnh những thành quả đó, công tác ASXH ở Quảng Nam còn gặp nhiều khó khăn, thách thức trong đó có thể kể đến:

*Thứ nhất, vấn đề chênh lệch vùng miền, phân hóa, phân tầng trong tiếp cận các chính sách ASXH:* Quảng Nam là một tỉnh có sự phân hóa sâu sắc giữa các khu vực đồng bằng và miền núi, dẫn đến những khác biệt rõ rệt về tiếp cận và thụ hưởng các chính sách ASXH. Các huyện miền núi phía Tây Quảng Nam, nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số như Cơ Tu, Xơ Đăng, Giẻ Triêng, Bh'noong... vẫn gặp nhiều khó khăn về cơ sở hạ tầng, giáo dục, y tế và tiếp cận các chính sách ASXH. Nguyên nhân của sự chênh lệch này có từ yếu tố khách quan và cả chủ quan như địa hình phức tạp, giao thông khó khăn ở các huyện miền núi dẫn đến gia tăng chi phí triển khai chính sách; trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở mà cụ thể là cán bộ trực tiếp tham mưu và triển khai các chính sách xã hội, ASXH còn hạn chế nhất định; nguồn lực đầu tư dành cho các khu vực vùng sâu, vùng xa trong những trường hợp cụ thể còn hạn chế so với các khu vực đồng bằng; chênh lệch kinh tế - xã hội truyền thống giữa đồng bằng và miền núi khó được thu hẹp trong thời gian ngắn. Chính điều này sẽ dẫn đến những hệ lụy khi thực hiện chính sách ASXH ở Quảng Nam: (i) Gia tăng bất bình đẳng xã hội. Người dân miền núi không được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ cơ bản như giáo dục và y tế; (ii) Rủi ro tái nghèo cao: Các chương trình hỗ trợ giảm nghèo chưa bền vững, đặc biệt ở các huyện nghèo thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai; (iii) Mất cân bằng lao động: Người dân miền núi phải di cư xuống đồng bằng để tìm việc làm, tăng thu nhập, tạo sinh kế. Điều này vừa gây áp lực cho các đô thị và khu công nghiệp, vừa thiếu hụt nguồn lao động tại chỗ khi triển khai các chính sách phát triển chung của tỉnh và trong những điều kiện nhất định lại là “lỗ hổng” về quốc phòng, an ninh trong điều kiện và tình hình hiện nay. Thực tế này chính là “đơn đặt hàng”, là gợi mở cho lãnh đạo tỉnh Quảng Nam trong thực hiện chính sách ASXH và đưa ra các giải pháp chính sách đặc thù về an sinh cho từng nhóm đối

tượng, từng khu vực đặc thù trên địa bàn, tránh hiện tượng “cào bằng”, “duy ý chí” trong ban hành và thực thi chính sách có liên quan.

*Thứ hai, nhân tố tác động từ thiên tai, biến đổi khí hậu.* Là một tỉnh thường xuyên chịu ảnh hưởng của bão lũ, sạt lở đất, các hiện tượng cực đoan của thời tiết và biến đổi khí hậu, Quảng Nam gặp khó khăn trong việc duy trì và mở rộng các chương trình ASXH, đặc biệt sau những đợt thiên tai lớn. Điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sinh kế của các nhóm cư dân khác nhau trên địa bàn. Lũ lụt, sạt lở đất và bão thường xuyên gây thiệt hại nặng nề về nhà ở, đất sản xuất và tài sản của người dân, đặc biệt ở các huyện miền núi như Nam Trà My, Bắc Trà My, Tây Giang, Đông Giang, theo đó một phần đất nông nghiệp bị rửa trôi hoặc hư hại, khiến người dân mất nguồn thu nhập chính. Các hộ vừa thoát nghèo dễ dàng rơi vào tình trạng tái nghèo khi bị thiên tai làm mất nhà cửa, đất canh tác, hoặc gia súc, gia cầm. Hơn nữa, sau thiên tai, các vùng bị ảnh hưởng dễ bùng phát dịch bệnh (sốt xuất huyết, bệnh đường tiêu hóa), nhưng cơ sở y tế lại bị hư hỏng, gây khó khăn trong việc chăm sóc sức khỏe người dân. Riêng, các địa phương ven biển lại phải gánh hậu quả của tình trạng nước biển dâng khiến cho tình trạng xâm nhập mặn, ảnh hưởng đến nguồn nước ngọt cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp, đặc biệt tại các huyện ven biển như Thăng Bình và Núi Thành. Các sông lớn như Thu Bồn và Vu Gia bị nhiễm mặn nặng vào mùa khô, gây khó khăn cho cấp nước tưới tiêu. Các bờ biển ở Cửa Đại (Hội An) và Tam Hải (Núi Thành) đang chịu tình trạng sạt lở nghiêm trọng, mất đi hàng chục hecta đất mỗi năm. Đặc biệt, biển Cửa Đại từng ghi nhận tốc độ xói lở lên đến 150-200 m/năm trong những năm gần đây. Hiện tượng biến đổi hệ sinh thái ngày càng rõ nét, các vùng rừng ngập mặn, bãi triều và hệ sinh thái ven biển bị đe dọa, ảnh hưởng đến đa dạng sinh học và nguồn lợi thủy sản. Các rạn san hô, cỏ biển tại các khu vực ven đảo Cù Lao Chàm cũng suy giảm nghiêm trọng do thay đổi môi trường sống. Biến đổi khí hậu, nước biển dâng và xâm nhập mặn tác động trực tiếp đến lĩnh vực nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản; tác động không nhỏ đến hoạt động du lịch (các bãi biển nổi tiếng như Cửa Đại và An Bàng bị xói lở, ảnh hưởng đến ngành du lịch và dịch vụ tại Hội An; làm mất đi các cảnh quan tự nhiên, khiến các điểm đến du lịch kém hấp dẫn); làm ảnh hưởng đến hạ tầng và bất động sản ven biển (các khu vực đô thị ven biển, đường giao thông, và công trình dân dụng đối mặt với nguy cơ ngập lụt và hư hại, làm tăng chi phí bảo trì và sửa chữa). Tất cả những điều đó, ít nhiều tác động đến sinh kế và việc làm của cư dân ở những nơi chịu tác động. Điều này đặt ra cho các cấp quản lý, các nhà hoạch định chính sách của tỉnh Quảng Nam những “biến số” trong xây dựng chính sách ASXH mang tính đặc thù của địa phương.

*Thứ ba, sự thiếu hụt các nguồn lực trong thực thi chính sách ASXH.* Quảng Nam đang phải đối mặt với nhiều khó khăn trong việc triển khai chính sách ASXH, trong đó vấn đề thiếu hụt nguồn lực là một trong những thách thức lớn. Nguồn lực ở đây không chỉ giới hạn ở tài chính mà còn bao gồm nhân lực, cơ sở hạ tầng và các yếu tố hỗ trợ thực thi chính sách. *Về nguồn lực tài chính:* (i) Hạn chế ngân sách địa phương: Là tỉnh có diện tích rộng và dân số đông nhưng thu ngân sách của Quảng Nam, mặc dù có cải thiện nhưng vẫn chưa ổn định, còn có tính rủi ro, nhất là trong những tình huống bất thường, do đó, trong điều kiện đặc thù, cũng còn phụ thuộc vào hỗ trợ từ Trung ương; các huyện miền núi như Nam Trà My, Bắc Trà My, Tây Giang, Đông Giang gặp khó khăn trong việc huy động vốn (nhất là nguồn xã hội hóa) để thực hiện các chính sách giảm nghèo, hỗ trợ y tế, giáo dục. (ii) Phân bổ không đồng đều: Nguồn lực tập trung nhiều hơn cho các khu vực phát triển như Tam Kỳ, Hội An, ven biển Núi Thành<sup>(3)</sup>,... dẫn đến thiếu hụt tại các vùng sâu, vùng xa. *Về nguồn nhân lực thực thi:* (i) Cán bộ ASXH thiếu về số lượng, không cao về chất lượng, chưa cân đối về cơ cấu. Tại các huyện miền núi, đội ngũ cán bộ phụ trách các chương trình ASXH còn hạn chế, thiếu kỹ năng và kiến thức chuyên môn. Tỷ lệ cán bộ phụ trách công tác xã hội trên dân số vẫn thấp, không đáp ứng được khối lượng công việc ngày càng tăng; (ii) Khó khăn trong thu hút nhân tài: Do điều kiện sống và làm việc khó khăn, các vùng miền núi và vùng sâu, vùng xa khó thu hút cán bộ trẻ, có trình độ cao, có năng lực triển khai các dự án, đề án, kế hoạch (kể cả Chương trình mục tiêu quốc gia) để tham gia vào các chương trình ASXH; (iii) Cơ sở hạ tầng thiếu đồng bộ: Trong đó hạ tầng giao thông thì yếu kém, nhiều khu vực miền núi giao thông khó khăn, đặc biệt vào mùa mưa, gây trở ngại cho việc tiếp cận và hỗ trợ các đối tượng cần giúp đỡ. Hạ tầng

cơ sở vật chất y tế và giáo dục thiếu thốn, các trạm y tế tuyến xã, trường học ở vùng sâu, vùng xa còn thiếu trang thiết bị, thuốc men và cơ sở vật chất tối thiểu để phục vụ người dân; (iv) Thiếu cơ sở dữ liệu và công nghệ hỗ trợ. Hiện cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ và chính xác, trong khi đó việc cập nhật và quản lý thông tin về các đối tượng hưởng chính sách còn thủ công, chông chéo, dẫn đến khó khăn trong xác định đối tượng ưu tiên. Hơn nữa, việc ứng dụng công nghệ hạn chế cũng là một trở lực trong quá trình chuyển đổi số về ASXH. Các hệ thống công nghệ quản lý và giám sát ASXH chưa được triển khai đồng bộ, khiến việc phân bổ và theo dõi nguồn lực gặp khó khăn.

Sự thiếu hụt các nguồn lực sẽ dẫn đến nhiều hệ lụy trong ban hành và thực thi chính sách ASXH trên địa bàn Quảng Nam. Trước hết là thực hiện chính sách hiện hữu sẽ không hiệu quả như kỳ vọng. Cụ thể là các chương trình hỗ trợ như giảm nghèo, bảo hiểm y tế, hỗ trợ sinh kế không đạt được mục tiêu đề ra. Kế đến, trong những điều kiện nhất định, sẽ làm gia tăng khoảng cách phát triển giữa các vùng trong tỉnh. Đương nhiên, các khu vực đồng bằng như Tam Kỳ, Hội An nhận được nhiều nguồn lực hơn so với các huyện miền núi, làm gia tăng chênh lệch kinh tế - xã hội. Hơn thế nữa, hệ lụy lớn nhất là suy giảm niềm tin của người dân, trong đó việc chậm trễ hoặc không đủ hỗ trợ (theo quy định) sẽ khiến người dân, đặc biệt ở các vùng khó khăn, mất niềm tin vào chính sách của chính quyền.

*Thứ tư, chất lượng lao động thấp, cơ cấu lao động còn tồn tại nhiều bất cập.* Chất lượng lao động và chính sách ASXH có mối liên hệ liên đới, mật thiết trong đó, liên quan trực tiếp đến giáo dục, đào tạo, với vấn đề việc làm và bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội. Trong những năm qua, mặc dù đã có nhiều chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, nhưng chất lượng lao động tại tỉnh còn thấp, đặc biệt ở khu vực nông thôn và miền núi, gây khó khăn trong việc tạo việc làm bền vững. Cần phải có số liệu thống kê (một cách chính xác và cập nhật) tỷ lệ lao động trên địa bàn tỉnh về các lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp; công nghiệp và xây dựng; dịch vụ và ngành nghề mới. Tính toán cụ thể cơ cấu lao động (theo ngành, độ tuổi, giới tính; theo trình độ chuyên môn và so sánh giữa lao động ở các khu vực nông thôn, đô thị, vùng kinh tế trọng điểm, vùng miền núi,...). Theo số liệu thống kê, năm 2023, tỷ lệ lao động của Quảng Nam đã qua đào tạo đạt 72,2%; trong đó có bằng, chứng chỉ 34,7%. Cơ cấu lao động có sự chuyển dịch mạnh mẽ, theo hướng tích cực; tỷ trọng lao động tham gia hoạt động kinh tế trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và lĩnh vực thương mại dịch vụ tăng đều. Tỷ trọng lao động tham gia hoạt động kinh tế trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản giảm từ 40,34% năm 2019 xuống còn 33,91% năm 2023, tỷ lệ này phù hợp với cơ cấu nền kinh tế và mục tiêu của Nghị quyết số 39 ngày 15/1/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế. (Nghị quyết 39 đặt mục tiêu đến năm 2025, tỷ trọng lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản còn dưới 33% tổng số lao động) (Châu Nữ, 2024). Tuy nhiên, đây mới chỉ là những con số thuần túy về số học, điều quan trọng hơn là phải tính đến chất lượng lao động, năng suất lao động (nhất là nguy cơ mất việc làm khi chúng ta tiến hành chuyển đổi số, chuyển đổi xanh) và cơ cấu lao động (phù hợp với điều kiện và tình hình mới).

### **3. Một số giải pháp nâng thực hiện và xây dựng chính sách an sinh xã hội gắn với nâng cao chất lượng sống của nhân dân trong thời gian đến**

Nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm hiện thực hóa mục tiêu phát triển nhanh và bền vững, không để ai bị bỏ lại phía sau mà cụ thể là từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Cùng với đó, Quảng Nam cũng là địa phương có những quyết sách để vừa triển khai các chính sách chung của Trung ương, vừa gắn với tình hình thực tiễn của địa phương trong thực hiện các chính sách ASXH, góp phần củng cố niềm tin trong nhân dân. Để đạt được các mục tiêu phát triển chung, giải quyết tốt các vấn đề xã hội nảy sinh, vừa đảm bảo nâng cao đời sống cho nhân dân, nhất là đối tượng yếu thế và nhóm đối tượng “nghèo mới” do quá trình biến đổi xã hội, rủi ro xã hội, thiết nghĩ Quảng Nam cần tiến hành nhiều giải pháp đồng bộ, trong đó có thể kể đến một số biện pháp cụ thể sau:

*Một là, quán triệt thực hiện tốt các chính sách xã hội, ASXH của Trung ương.* Trên bình diện chung nhìn nhận, hệ thống chính sách ASXH ở nước ta là khá bao quát từ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ giúp xã hội, xóa đói giảm nghèo gắn với các Chương trình Mục tiêu quốc gia và các

để án, dự án, chương trình, kế hoạch mang tầm chiến lược. Trong thời gian qua, Quảng Nam đã triển khai thực hiện tốt các chủ trương chung đó và đã đạt được nhiều thành quả quan trọng. Tuy nhiên, nghiêm túc nhìn nhận thì không phải không còn những vấn đề cần phải rút kinh nghiệm và quyết liệt hơn trong triển khai thực hiện. Chẳng hạn, công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ và nhân dân trong tỉnh về các chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước về ASXH. Trong đó, đặc biệt chú ý đến công tác truyền thông về chính sách bảo hiểm xã hội toàn dân, chính sách giảm nghèo bền vững (giai đoạn 2021-2025), chính sách hỗ trợ nhà ở, giáo dục, y tế cho đối tượng yếu thế. Đặc biệt, khi triển khai các chính sách của Trung ương không nên máy móc, rập khuôn và duy ý chí mà cần phải có kế hoạch lồng ghép với chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phải tích hợp các chương trình ASXH với các kế hoạch phát triển kinh tế tại địa phương, đặc biệt trong các khu vực nông thôn, miền núi.

Kinh nghiệm của một số địa phương cho thấy, bám sát các chủ trương của Đảng, thực hiện thật tốt các chính sách của Trung ương, phát huy nội lực của địa phương, có kế hoạch và tiêu chí đánh giá hiệu quả một cách khoa học, tỉ mỉ cho từng hoạt động, kêu gọi sự tham gia chủ động của nhân dân,... thì các nội dung của ASXH được thực hiện tốt, nhân dân phấn khởi và tin tưởng, đời sống các nhóm cư dân được cải thiện (Phạm Đi, 2018). Do đó, tỉnh Quảng Nam cần phối hợp chặt chẽ với Trung ương, huy động toàn bộ hệ thống chính trị và các nguồn lực xã hội để triển khai hiệu quả chính sách ASXH hiện hữu. Việc cụ thể hóa, hiện thực hóa các chính sách phù hợp với thực tế địa phương không chỉ đảm bảo đời sống người dân mà còn góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh.

*Hai là, chỉ đạo thực hiện đồng bộ các Chương trình mục tiêu quốc gia gắn với tái cơ cấu kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.* Cần phải nhấn mạnh rằng, phát triển kinh tế là điều kiện tiên quyết, là nền tảng vật chất để thực hiện các chính sách ASXH. Nói cách khác, ASXH và phát triển kinh tế là hai mặt của cùng một vấn đề, có mối quan hệ hữu cơ, gắn kết mật thiết nhau và không thể tách rời nhau. Trên ý nghĩa này mà nói, chúng ta nên dùng khái niệm "tái cơ cấu kinh tế - xã hội" thay vì khái niệm "tái cơ cấu kinh tế" đơn thuần. Bởi xét đến cùng con người luôn là mục tiêu, là động lực của sự phát triển, tái cơ cấu kinh tế, mục tiêu cuối cùng của nó không phải là để tăng trưởng kinh tế đơn thuần mà là "tăng trưởng về chất lượng sống" của con người.

Trước mắt, tỉnh Quảng Nam cần xác định lại mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng "độc lập, tự chủ", nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Về mô hình tăng trưởng, xác định được lợi thế và tiềm năng của mình, Quảng Nam có thể áp dụng mô hình tăng trưởng kinh tế cân bằng giữa công nghiệp, dịch vụ và nông nghiệp, đồng thời hướng đến phát triển bền vững. (1) Công nghiệp làm động lực tăng trưởng chính, phát triển mạnh mẽ các khu công nghiệp và khu kinh tế trọng điểm, trong đó đầu tư mở rộng Khu Kinh tế mở Chu Lai; Các khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, Đông Quế Sơn, Nam Hội An, phát triển ngành dệt may, giày dép và công nghiệp chế biến. (2) Thu hút đầu tư FDI và tư nhân. Có chính sách ưu đãi để thu hút các nhà đầu tư quốc tế trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, chế tạo và năng lượng sạch; (3) Du lịch và dịch vụ là ngành kinh tế mũi nhọn. Chú ý đến du lịch di sản và biển đảo (Hội An là trung tâm du lịch văn hóa và di sản, kết hợp với Cù Lao Chàm phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; các bãi biển như Hà My, Tam Thanh trở thành điểm đến thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế), dịch vụ liên kết với công nghiệp và nông nghiệp (phát triển hệ thống logistics hỗ trợ khu công nghiệp; dịch vụ thương mại, tài chính và công nghệ thông tin đang được mở rộng, đặc biệt tại các đô thị như Tam Kỳ); (4) Nông nghiệp hiện đại hóa và bền vững. Chú trọng chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp (chuyển từ sản xuất nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp công nghệ cao; đẩy mạnh các sản phẩm đặc sản địa phương như sắn Ngọc Linh, cây ăn quả và chăn nuôi hữu cơ; liên kết sản xuất và tiêu thụ, hợp tác với các doanh nghiệp để xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm từ sản xuất, chế biến, tiêu thụ đến xuất khẩu. (5) Định hướng phát triển kinh tế xanh và bền vững. Trong đó, chú ý phát triển năng lượng tái tạo như: khai thác tiềm năng năng lượng mặt trời, năng lượng gió tại các vùng miền núi; các dự án điện gió, điện mặt trời tại Núi Thành và Thăng Bình đã được triển khai. Chú trọng đến bảo vệ môi

trường như lồng ghép các tiêu chí bảo vệ môi trường vào quá trình cấp phép đầu tư, phát triển du lịch sinh thái, nông nghiệp hữu cơ để bảo tồn tài nguyên thiên nhiên,...

Song song với đó cần phải "nhìn thấy được" những rủi ro, thách thức để khắc phục trong mô hình tăng trưởng kinh tế của tỉnh như: phụ thuộc vào ngành công nghiệp nặng (rủi ro từ biến động kinh tế toàn cầu, đặc biệt trong lĩnh vực lắp ráp ô tô và dệt may, kể cả xu hướng chuyển đổi năng lượng xanh thì chủng loại xe dùng năng lượng hóa thạch cũng gặp thách thức); cân bằng phát triển vùng miền (miền núi còn khó khăn về hạ tầng, cần ưu tiên hơn trong các chính sách phát triển); chất lượng lao động (cần nâng cao tay nghề để đáp ứng nhu cầu công nghiệp và dịch vụ hiện đại, kể cả lĩnh vực nông nghiệp cũng hướng đến nông nghiệp công nghiệp, nông nghiệp xanh, sản phẩm Halal,...).

*Ba là, cần mạnh dạn nghiên cứu đưa ra mô hình chính sách ASXH mang tính đặc thù của Quảng Nam.* Nói đến thành phố Đà Nẵng không ai không biết đến chính sách mang tính "đặc sản" về ASXH là "05 Không, 03 Có, 04 An", thậm chí được mệnh danh là "Thành phố đáng sống". Đó là "sản phẩm" trí tuệ của nhiều thế hệ lãnh đạo Đà Nẵng vừa hợp "Ý Đảng", vừa hợp với "Lòng dân". Nói đến Quảng Ninh người ta nghĩ ngay đến chính sách an sinh cho nhóm ngư dân đặc thù trong đó có hỗ trợ hạ tầng nghề cá, chợ hải sản, chuyển đổi sinh kế cho ngư dân. Với Nghệ An và Hà Tĩnh thì nổi lên với chính sách với lao động hồi hương (cung cấp vốn vay ưu đãi để các hộ gia đình tái đầu tư vào sản xuất nông nghiệp hoặc kinh doanh). Còn với Đồng Tháp gắn với mô hình "Ngôi nhà trí tuệ" là không gian cộng đồng giúp người dân tiếp cận giáo dục, công nghệ và thông tin để tự vươn lên thoát nghèo. Qua đó, có chính sách hỗ trợ nông dân liên kết với doanh nghiệp để đảm bảo đầu ra ổn định cho các sản phẩm nông nghiệp như lúa gạo, trái cây. Với các địa phương này, điểm chung của các "chính sách đặc thù" là dựa vào thế mạnh của địa phương để xây dựng các chương trình phù hợp, tập trung vào các nhóm yếu thế, như người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, lao động nhập cư và người khuyết tật, đặc biệt huy động nguồn lực xã hội hóa, bên cạnh nguồn ngân sách nhà nước để phát huy sức mạnh tổng hợp trong thực thi ASXH.

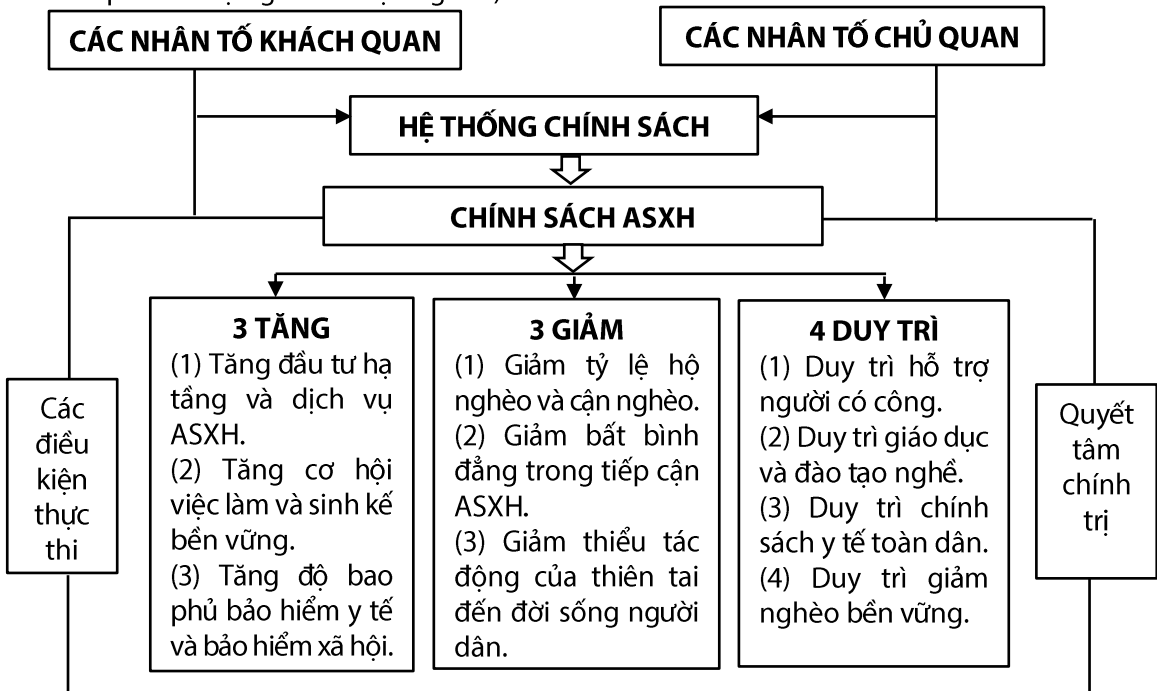
Từ thành công và cảm hứng của một số địa phương về xây dựng mô hình ASXH đặc thù cho địa phương, chúng tôi mạnh dạn đề xuất mô hình ASXH cho Quảng Nam có tên "03 tăng, 03 giảm, 04 duy trì". Trong đó:

- "03 tăng": gồm (1) "Tăng đầu tư vào hạ tầng và dịch vụ ASXH" (trong đó: (i) tăng đầu tư vào các công trình y tế, giáo dục và nhà ở xã hội, đặc biệt ở các huyện miền núi và khu vực khó khăn; (ii) tăng đầu tư phát triển hệ thống giao thông, điện nước và các công trình phòng chống thiên tai ở vùng chịu nhiều ảnh hưởng bởi bão, lũ. (2) "Tăng cơ hội việc làm và sinh kế bền vững" (trong đó: (i) phát triển các ngành nghề phù hợp với đặc thù của địa phương như: trồng sâm Ngọc Linh, dệt thổ cẩm, du lịch cộng đồng và nuôi trồng thủy sản; (ii) hỗ trợ đào tạo nghề và kỹ năng cho lao động trẻ, đặc biệt là con em hộ nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số). (3) "Tăng độ bao phủ của các chính sách bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế" (trong đó: (i) đẩy mạnh bảo hiểm y tế toàn dân, đảm bảo người dân đều được tiếp cận dịch vụ y tế cơ bản với chi phí thấp; (ii) tăng cường bảo hiểm xã hội tự nguyện cho người lao động tự do và lao động phi chính thức; (iii) tăng cường sự tham gia của cộng đồng và doanh nghiệp theo phương thức xã hội hóa).

- "03 giảm": gồm (1) Giảm tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo (trong đó: (i) thực hiện chương trình giảm nghèo đa chiều, tập trung vào các yếu tố như: giáo dục, y tế, nhà ở và việc làm; (ii) hỗ trợ sinh kế để các hộ vừa thoát nghèo không tái nghèo, đặc biệt ở các vùng chịu nhiều tác động bởi thiên tai; (2) Giảm bất bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ ASXH (trong đó: (i) xóa bỏ khoảng cách giữa các vùng nông thôn, miền núi và đô thị trong việc tiếp cận giáo dục, y tế và dịch vụ xã hội; (ii) ưu tiên đầu tư cho các đối tượng yếu thế như người khuyết tật, trẻ em mồ côi và đồng bào dân tộc thiểu số); (3) Giảm thiểu tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu đến đời sống người dân (trong đó: (i) xây dựng các khu tái định cư an toàn, hỗ trợ sinh kế bền vững cho người dân tại các khu vực dễ bị ảnh hưởng bởi sạt lở, lũ quét; (ii) Nâng cao nhận thức và kỹ năng ứng phó thiên tai cho cộng đồng).

- "04 duy trì": gồm (1) Duy trì chính sách hỗ trợ người có công (trong đó: (i) duy trì trợ cấp hàng tháng và hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho các gia đình thương binh, liệt sĩ và người có công; (ii) tiếp tục thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ về tài chính, nhà ở, chăm sóc y tế cho người có công

và gia đình liệt sĩ); (2) *Duy trì chính sách giảm nghèo bền vững* (trong đó: (i) tích hợp các chính sách giảm nghèo với phát triển kinh tế, đảm bảo người dân thoát nghèo một cách bền vững; (ii) tăng cường sự tham gia của cộng đồng và doanh nghiệp trong các chương trình giảm nghèo nói riêng, an sinh nói chung); (3) *Duy trì mô hình phát triển giáo dục và đào tạo nghề* (trong đó: (i) bảo đảm mọi trẻ em đều được đi học, không để trẻ em nào bỏ học vì khó khăn kinh tế; (ii) mở rộng đào tạo nghề gắn với nhu cầu thị trường lao động, đặc biệt ở các ngành như sản xuất công nghiệp và du lịch); (4) *Duy trì các chính sách y tế toàn dân* (trong đó: (i) phát triển hệ thống y tế cơ sở, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân vùng sâu, vùng xa; (ii) tiếp tục cung cấp bảo hiểm y tế miễn phí cho hộ nghèo và cận nghèo).



**Sơ đồ 1: Mô hình ASXH của Quảng Nam**

Thiết nghĩ, việc nghiên cứu và xây dựng một mô hình an sinh “3 Tăng, 3 Giảm, 4 Duy trì” cho Quảng Nam là hoàn toàn phù hợp và cần thiết, không chỉ giúp nâng cao chất lượng ASXH mà còn tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của tỉnh. Mô hình này mang tính toàn diện, vừa đảm bảo các yếu tố tích cực được phát triển, vừa xử lý các thách thức hiện tại và bảo vệ những thành quả đã đạt được trong ASXH, nhất là trong bối cảnh và tình hình mới.

**4. Kết luận**

Xây dựng mô hình ASXH gắn với tình hình thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Nam không chỉ là nhiệm vụ cấp thiết mà còn là yếu tố then chốt để đảm bảo phát triển bền vững trong giai đoạn mới. Việc triển khai các chính sách ASXH cần dựa trên nguyên tắc linh hoạt, phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương, đồng thời kết hợp hài hòa giữa nguồn lực nhà nước và sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp.

Trong bối cảnh Quảng Nam đang từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, đô thị hóa, các chính sách ASXH cần được thiết kế theo hướng bền vững, bao trùm, đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau. Điều này đòi hỏi sự đổi mới trong cơ chế hỗ trợ người dân, nâng cao hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách, phát triển hệ thống bảo trợ xã hội đa tầng, và tăng cường kết nối giữa các chính sách về y tế, giáo dục, việc làm và giảm nghèo bền vững.

Để hiện thực hóa mục tiêu này, cần có sự lãnh đạo quyết liệt từ các cấp ủy, chính quyền địa phương, sự tham gia tích cực của các tổ chức chính trị - xã hội, cũng như sự chung tay của toàn thể cộng đồng. Khi các giải pháp được thực hiện đồng bộ và hiệu quả, hệ thống ASXH của Quảng Nam không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đời sống nhân dân mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong những năm tới, giai đoạn tiếp theo.

**Chú thích:**

(1) Năm 2023, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giảm còn khoảng 4,8% (so với trên 10% vào năm 2016). Đặc biệt, các huyện miền núi như: Nam Trà My, Bắc Trà My, Tây Giang... tuy vẫn còn tỷ lệ hộ nghèo cao nhưng đã có sự cải thiện rõ rệt.

(2) Tính đến tháng 7 năm 2023, số người tham gia Bảo hiểm xã hội (BHXH) do BHXH tỉnh Quảng Nam quản lý là 210.754 người, giảm 4.887 người so với cuối năm 2022. Đặc biệt, tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế (BHYT) đạt 96,55%. Công tác cấp sổ BHXH, thẻ BHYT được thực hiện kịp thời, đảm bảo quyền lợi cho người tham gia. (Thành Vân, 2023).

(3) Thực tế cho thấy, các khu vực này được ưu tiên đầu tư hơn về hạ tầng, dịch vụ y tế, giáo dục và hỗ trợ an sinh, do các địa phương này thường có khả năng tự cân đối nguồn lực cao hơn, nhờ vào nguồn thu từ công nghiệp, dịch vụ, và du lịch.

**Tài liệu tham khảo**

Châu Nữ (2024). Năm 2023, tỷ lệ lao động của Quảng Nam đã qua đào tạo đạt 72,2%. Truy xuất tại <https://baoquangnam.vn/>, ngày 10/12/2024.

Lê Thị Hoài Thu (Chủ biên) (2019). *Giáo trình pháp luật ASXH*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

N.Đoan (2024). Kinh tế Quảng Nam đạt mức tăng trưởng dương, chấm dứt 2 năm tăng trưởng âm. Truy xuất tại: [https://baoquangnam.vn/kinh-te-quang-nam-dat-muc-tang-truong-duong-cham-dut-2-nam-tang-truong-am-3137680.html?utm\\_source=chatgpt.com](https://baoquangnam.vn/kinh-te-quang-nam-dat-muc-tang-truong-duong-cham-dut-2-nam-tang-truong-am-3137680.html?utm_source=chatgpt.com), ngày 20/12/2024.

Ngô Anh Văn (2022). Kinh tế Quảng Nam năm 2022 phục hồi mạnh, đạt tốc độ tăng trưởng cao. Truy xuất tại [https://vneconomy.vn/kinh-te-quang-nam-nam-2022-phuc-hoi-manh-dat-toc-do-tang-truong-cao.htm?utm\\_source=chatgpt.com](https://vneconomy.vn/kinh-te-quang-nam-nam-2022-phuc-hoi-manh-dat-toc-do-tang-truong-cao.htm?utm_source=chatgpt.com), ngày 01/12/2024.

Phạm Đi (2018). Một số vấn đề đặt ra trong thực thi chính sách ASXH ở Tây Nguyên. *Tạp chí Khoa học, Đại học Tây Nguyên*, số 28.

Thành Vân (2023). Ông Nguyễn Văn Hùng, Phó Giám đốc BHXH Quảng Nam: 'Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế ở Quảng Nam đạt gần 97%. Truy xuất tại: <https://nhadautu.vn/ong-nguyen-van-hung-pho-giam-doc-bhxh-quang-nam-ty-le-bao-phu-bao-hiem-y-te-o-quang-nam-dat-gan-97-d79091.html>, ngày 10/11/2024.

Thủ tướng Chính phủ (2024). Quyết định 72/QĐ-TTg ngày 17/1/2024 của Thủ tướng Chính phủ "Về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050". Hà Nội.

Trịnh Dũng (2023). Phát triển kinh tế - xã hội Quảng Nam năm 2023: Chặng cuối gian nan. Truy xuất tại: [https://baoquangnam.vn/phat-trien-kinh-te-xa-hoi-quang-nam-nam-2023-chang-cuoi-gian-nan-3049453.html?utm\\_source=chatgpt.com](https://baoquangnam.vn/phat-trien-kinh-te-xa-hoi-quang-nam-nam-2023-chang-cuoi-gian-nan-3049453.html?utm_source=chatgpt.com), ngày 01/12/2024.

Trung ương Đảng (2023). Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Trung ương "Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới". Hà Nội.

UBND tỉnh Quảng Nam (2021). Nghị quyết số 43/2021/NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh về "Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Nam". Quảng Nam.

Vũ Văn Phúc (2013). ASXH ở nước ta: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn. *Tạp chí Lao động và Xã hội*. Truy xuất tại: <https://www.molisa.gov.vn/baiviet/20941?tintuclD=20941>, ngày 01/12/2024.